

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671016 - Vật lý đại cương 1  
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0)      Lần thi : 2  
Năm học : 2012-2013      Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên         |       | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                   |       |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 1   | Hồ Văn            | Thi   | 3671050036 | 29/01/1993 | 8,00        | 7,80        | 7,90      |         |
| 2   | Bùi Minh          | Thành | 3671050169 | 12/06/1992 | 8,00        | 1,80        | 3,70      |         |
| 3   | Lê Tấn            | Phát  | 3671050283 | 19/04/1994 | 7,00        | 3,50        | 4,60      |         |
| 4   | Hoàng Cảnh        | Đạo   | 3671050316 | 18/04/1992 | 6,00        | 1,50        | 2,90      |         |
| 5   | Trần Quốc         | Rô    | 3671050584 | 18/08/1994 | 8,00        | 3,50        | 4,90      |         |
| 6   | Châu Ngọc         | Anh   | 3671050588 | 20/03/1994 | 5,00        | ,00         | 1,50      |         |
| 7   | Trần Ngọc         | Thôi  | 3671050668 | 14/04/1993 | ,00         | ,00         | ,00       | NGHI    |
| 8   | Đỗ Hữu            | Phước | 3671050720 | 02/08/1994 | 8,00        | 4,80        | 5,80      |         |
| 9   | Trần Minh         | Long  | 3671050747 | 12/09/1994 | 8,00        | ,00         | 2,40      |         |
| 10  | Trương Nhật       | Nam   | 3671050826 | 15/04/1994 | 6,00        | ,00         | 1,80      |         |
| 11  | Nguyễn Văn        | Lực   | 3671051297 | 08/06/1994 | 9,00        | 3,00        | 4,80      |         |
| 12  | Nguyễn Thị        | Huệ   | 3671051524 | 06/05/1994 | ,00         | ,00         | ,00       | NGHI    |
| 13  | Huỳnh Tấn         | Duy   | 3671051618 | 00/00/1993 | 6,00        | ,80         | 2,40      |         |
| 14  | Lê Tấn            | Phát  | 3671051671 | 10/01/1993 | 7,00        | ,00         | 2,10      |         |
| 15  | Lê Hoàng          | Sang  | 3671051675 | 11/05/1994 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 16  | Nguyễn Thanh      | Hải   | 3671051678 | 24/08/1994 | 8,00        | 6,50        | 7,00      |         |
| 17  | Nguyễn Văn        | Phê   | 3671051682 | 24/06/1992 | 8,00        | 4,80        | 5,80      |         |
| 18  | Lê Vũ Khôi        | Dương | 3671051832 | 20/10/1994 | 8,00        | 1,30        | 3,30      |         |
| 19  | Huỳnh Tấn         | Đạt   | 3671051848 | 11/10/1994 | 7,00        | 5,50        | 6,00      |         |
| 20  | Lê Tấn            | Sang  | 3671051877 | 27/08/1994 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 21  | Đỗ Đình           | Khôi  | 3671051879 | 21/01/1994 | 8,00        | 5,80        | 6,50      |         |
| 22  | Đình Quang Nguyên | Khôi  | 3671051908 | 04/09/1994 | 7,00        | ,00         | 2,10      |         |
| 23  | Lê Danh           | Hiền  | 3671051918 | 22/10/1994 | 8,70        | 1,80        | 3,90      |         |
| 24  | Võ Trang Anh      | Tuấn  | 3671051920 | 29/04/1994 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 25  | Trần Nhật         | Tuấn  | 3671051938 | 04/12/1993 | 8,00        | 5,00        | 5,90      |         |
| 26  | Võ Văn            | Thắng | 3671051960 | 20/11/1993 | 7,00        | 1,50        | 3,20      |         |
| 27  | Nguyễn Trường     | Giang | 3671051980 | 10/04/1994 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 28  | Trần Huỳnh Quang  | Phúc  | 3671051995 | 01/03/1993 | 7,00        | 3,30        | 4,40      |         |
| 29  | Nguyễn Trọng      | Khanh | 3671052016 | 28/01/1993 | 8,00        | 4,00        | 5,20      |         |
| 30  | Đồng Đại          | Tân   | 3671052017 | 17/07/1991 | 8,00        | ,00         | 2,40      |         |
| 31  | Trần Minh         | Hải   | 3671052024 | 13/07/1993 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 32  | Trần              | Lực   | 3671052039 | 12/04/1994 | 8,00        | 4,30        | 5,40      |         |

Học phần : 0671016 - Vật lý đại cương 1  
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0)      Lần thi : 2  
Năm học : 2012-2013      Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên | MSSV | Ngày sinh | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|-----------|------|-----------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |           |      |           | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |

Tổng số : **SV**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2013*

Người lập bảng điểm  
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo  
(Họ tên và chữ ký)